**Ngày soạn: Từ 28.10 -> 03.11.2024**

**Ngày dạy: Từ 04.11 -> 10.11.2024**

**TIẾT 17-18**

**KIỂM TRA GIỮA HK1**

**Thời lượng : 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra, đánh giá kiến thức của HS từ bài 30 ( Khái quát về cơ thể người ) đến bài 35 ( Hệ bài tiết ở người )

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Tự lực, độc lập làm bài kiểm tra.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* vận dụng linh hoạt các kiến thức đã được học để giải thích các câu hỏi trong bài kiểm tra.

**Năng lực riêng**

*- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng:* Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để trình bày bài làm logic, khoa học.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có ý thức, cố gắng cao trong làm bài kiểm tra.

- Trung thực : Trung thực trong quá trình làm bài kiểm tra , không sử dụng tài liệu, không trao đổi bài với bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Đề kiểm tra giữa học kì 1 đã chuẩn bị trước.

**2. Đối với học sinh**

**-** Giấy làm bài theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**- GV tổ chức cho HS làm bài kiểm tra theo quy định của Nhà trường.**

# 

# MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN KHTN LỚP 8 (PHẦN SINH HỌC)

# NĂM HỌC 2024-2025

## 1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra Giữa Học kì I môn Khoa học tự nhiên lớp 8 (Phần Sinh học)

**a) Khung ma trận**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **CHƯƠNG VII: SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI** | | | | | | | | | | | |
| **Khái quát về cơ thể người** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,25 |
| **Hệ vận động ở người** |  |  | 2 |  | 1 |  |  |  | 3 |  | 0,75 |
| **Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người** |  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 1,0 |
| **Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người.** |  | **1** |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 2,0 |
| **Hệ hô hấp ở người** |  |  |  |  | 1 |  | 2 |  | 3 |  | 0,75 |
| **Hệ bài tiết ở người** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,25 |
| **Số câu/ số ý** | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 |  | 2 |  | 8 | 2 | 5,0 |
| **Tổng số điểm** | **2,5 điểm** | | **1,5 điểm** | | **0,5 điểm** | | **0,5 điểm** | | **5,0 điểm** | | **5,0đ** |

**b) Bảng đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
|  | **CHƯƠNG VII : SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI** | | | | | | |
| **Khái quát về cơ thể người** | **Các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người** | **Nhận biết** | - Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. |  | **1** |  | C9 |
| **Hệ vận động ở người** | **1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động (hệ cơ xương)** | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ):  - Mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. - Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. |  | **1** |  | C10 |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương.  - Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động. |  | **1** |  | C12 |
|  | **2.Bảo vệ hệ vận động** | **Nhận biết** | - Nêu được tác hại của bệnh loãng xương.  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). |  | **1** |  | C11 |
| **Vận dụng cao** | - Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương;  - Tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư. |  |  |  |  |
| **3. Vai trò của tập thể dục, thể thao** | **Nhận biết** | - Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao. |  |  |  |  |
|  | **Vận dụng** | - Thực hiện được phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (Tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân và luyện tập theo chế độ đã đề xuất nhằm nâng cao thể lực và thể hình). |  |  |  |  |
| **4. Sức khoẻ học đường** | **Vận dụng** | - Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác. |  |  |  |  |
| **Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người** | **1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ tiêu hoá** | **Thông hiểu** | - Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá.  - Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hóa ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hóa. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá. | **1** |  | **C19** |  |
| **2. Chế độ dinh dưỡng của con người** | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng.  - Nêu được mối quan hệ giữa tiêu hoá và dinh dưỡng.  - Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thực hành xây dựng được chế độ dinh dưỡng cho bản thân và những người trong gia đình. |  |  |  |  |
|  | **3. Bảo vệ hệ tiêu hoá** | **Thông hiểu** | - Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình. |  |  |  |  |
| **4. An toàn vệ sinh thực phẩm** | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm  - Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến;  - Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm; |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ minh hoạ.  - Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm.  - Trình bày được cách bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn.  - Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống các bệnh này. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | - Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình.  - Đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp.  - Thực hiện được dự án điều tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương; dự án điều tra một số bệnh đường tiêu hoá trong trường học hoặc tại địa phương (bệnh sâu răng, bệnh dạ dày,...). |  |  |  |  |
| **Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người** | **1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của máu và hệ tuần hoàn** | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn.  - Nêu được khái niệm nhóm máu.  - Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương). | **1** |  | **C20** |  |
| **Thông hiểu** | - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ tuần hoàn ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn.  - Nêu chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của hệ tuần hoàn.  - Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu).Nêu được ý nghĩa của truyền máu, cho máu và tuyên truyền cho người khác cùng tham gia phong trào hiến máu nhân đạo. |  |  |  |  |
|  | **2. Bảo vệ hệ tuần hoàn và một số bệnh phổ biến về máu và hệ tuần hoàn** | **Nhận biết:** | - Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** | - Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình.  - Thực hiện được các bước đo huyết áp. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | - Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu người bị chảy máu, tai biến, đột quỵ; băng bó vết thương khi bị chảy nhiều máu.  - Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh cao huyết áp, tiểu đường tại địa phương.  - Tìm hiểu được phong trào hiến máu nhân đạo ở địa phương. |  |  |  |  |
| **3. Miễn dịch: kháng nguyên,**  **kháng thể; vaccine** | **Nhận biết:** | - Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể.  - Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | - Dựa vào sơ đồ, trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người.  -Giải thích được vì sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có thể sống khoẻ mạnh. |  |  |  |  |
| **Hệ hô hấp ở người** | **1. Chức năng, sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ hô hấp** | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của hệ hô hấp. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của hệ hô hấp.  - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. |  |  |  |  |
| **2. Bảo vệ hệ hô hấp** | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng tránh. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình. |  | **1** |  | **C13** |
| **Vận dụng cao** | - Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước.  - Tranh luận trong nhóm và đưa ra quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá.  - Thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá.  - Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương, nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh. |  | **1**  **1** |  | **C15**  **C14** |
| **Hệ bài tiết ở người** | **1. Các cơ quan và chức năng của hệ bài tiết** | **Nhận biết** | - Nêu được chức năng của hệ bài tiết.  - Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu của thận. |  | **1** |  | **C16** |
|  |  | **Thông hiểu** | - Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước tiểu.  Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết. Trình bày cách phòng chống các bệnh về hệ bài tiết. |  |  |  |  |
| **2. Bảo vệ hệ bài tiết** | **Vận dụng** | - Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khoẻ. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN** | **GIÁO VIÊN BỘ MÔN** |
|  |  |
| ***Nguyễn Thị Mỹ Linh*** | ***Hà Duy Tân*** |